

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 27/2024/DS-PT
Ngày 11/01/2024
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Y Thông Kbuôr.

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Văn Bằng, ông Trần Duy Tuấn.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Mỹ Hạnh - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Chí Hiếu - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 01 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 330/2023/TLPT-DS ngày 25 tháng 10 năm 2023 về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”. Do bản án dân sự sơ thẩm số: 168/2023/DS-ST ngày 07 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 385/2023/QĐ-PT ngày 22/11/2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 330/QĐ-PT ngày 15/12/2023, giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn:** Ông Trần Thái C, sinh năm 1975; địa chỉ: I Y, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Võ Trường G, sinh năm 1992; địa chỉ: B T, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk (Có mặt).

*** Bị đơn:**

1. Bà Ngô Thị Trúc H, sinh năm 1978; địa chỉ: B N, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk (Có mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà H: Luật sư Hoàng Cao S - Công ty L, Đoàn Luật sư thành phố H; Địa chỉ: A H, phường A, Quận C, thành phố Hồ Chí Minh (Có mặt).

2. Ông Lưu Kim T; địa chỉ: D H, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk (Vắng mặt).

*** Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:** Bà Đoàn Tú Q, sinh năm 1981; địa chỉ: 1 L, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Võ Trường G, sinh năm 1992; địa chỉ: B T, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk (Có mặt).

*** Người kháng cáo:** Bị đơn bà Ngô Thị Trúc H.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Trần Thái C và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Đoàn Tú Q là ông Võ Trường G trình bày:

Do có quan hệ quen biết nên vợ chồng ông Trần Thái C có cho vợ chồng ông Lưu Kim T, bà Ngô Thị Trúc H vay tiền nhiều lần, tổng cộng là 1.600.000.000 đồng. Các lần vay đều lập giấy viết tay, có chữ ký xác nhận của bên vay, mục đích vay để phục vụ kinh doanh của gia đình bị đơn là mua bán áo quần và xe ô tô. Cụ thể các lần vay như sau:

Lần 1: Ngày 05/01/2020, bà H vay 500.000.000 đồng.

Lần 2: Ngày 01/6/2020, bà H vay 200.000.000 đồng.

Lần 3: Ngày 18/9/2020, bà H vay 300.000.000 đồng.

Lần 4: Ngày 11/01/2021, bà H vay 2 lần, lần đầu vay 120.000.000 đồng, lần sau vay 60.000.000 đồng, tổng cộng là 180.000.000 đồng.

Lần 5: Ngày 16/01/2021, bà H vay 2 lần, lần đầu vay 120.000.000 đồng, lần sau vay 60.000.000 đồng, tổng cộng là 180.000.000 đồng.

Lần 6: Ngày 22/01/2021, bà H vay 2 lần, lần đầu vay 120.000.000 đồng, lần sau vay 120.000.000 đồng, tổng cộng là 240.000.000 đồng.

Tất cả các lần vay tiền đều thỏa thuận lãi suất bằng miệng là 2%/ tháng và không thế chấp tài sản gì.

Quá hạn đã lâu, vợ chồng ông T, bà H không trả nợ cho vợ chồng ông C theo thỏa thuận nên ông C khởi kiện yêu cầu vợ chồng ông Lưu Kim T, bà Ngô Thị Trúc H phải trả cho ông C tổng số tiền là 2.000.000.000 đồng, trong đó: Tiền gốc là 1.600.000.000 đồng và tiền lãi phát sinh là 400.000.000 đồng. Tuy nhiên, sau khi tính toán lại thì từ ngày 12/01/2021 đến ngày 25/01/2021, bà H và ông T đã trả cho ông C được số tiền là 168.000.000 đồng. Tổng số tiền ông T và bà H còn nợ vợ chồng ông C đến hiện tại là 1.432.000.000 đồng. Khi vay tiền chỉ một mình bà H nhận tiền và ký giấy vay, nên ông C đã thay đổi yêu cầu khởi kiện buộc bà H phải trả cho vợ chồng ông C tổng số tiền nợ gốc là 1.432.000.000 đồng, không yêu cầu lãi suất.

Đối với việc bà H cung cấp các giấy tờ chuyển khoản tiền từ tài khoản của bà H qua tài khoản của ông C thì ông C thừa nhận có việc bà H chuyển khoản để trả tiền cho ông C nhưng số tiền mà bà H chuyển cho ông từ ngày 07/10/2020 đến

ngày 21/01/2021 tổng cộng 1.274.600.000 đồng là số tiền bà H trả cho ông C theo 02 khoản vay khác là:

- Khoản vay 550.000.000 đồng mà bà H mượn của ông C từ ngày 06/10/2020 đến ngày 20/11/2020, với hình thức trả theo ngày. Từ ngày 07/10/2020 đến ngày 20/11/2020 bà H đã trả đủ số tiền mượn trên và ông C cũng đã gạch chéo những ngày đã trả. Sau khi bà H trả đủ số tiền trên ông C đã đưa toàn bộ giấy vay tiền gốc cho bà H và bà H đã xé bỏ các giấy vay gốc trên. Khoản vay này được bà H thừa nhận trong bản khai của mình tại Tòa án.

- Khoản vay 720.000.000 đồng theo các giấy vay nợ các ngày 21/11/2020, 23/11/2020, 05/12/2020, 08/12/2020, 10/12/2020 và 15/12/2020 cũng với hình thức trả theo ngày (ông C còn giữ các bản gốc, đã gạch chéo số ngày trả), với số tiền 120.000.000 đồng mỗi giấy nợ. Tất cả các giấy nợ này đều có chữ ký xác nhận của bà H. Từ ngày 25/11/2020 đến ngày 21/01/2021, bà H đã trả đủ số tiền trên nên ông C đã gạch giấy nợ và không đưa lại cho bà H nữa. Như vậy, số tiền mà ông C khởi kiện không liên quan đến số tiền bà H đã chuyển trả cho ông C.

Bị đơn bà Ngô Thị Trúc H trình bày:

Do có mối quan hệ quen biết với nhau nên bà H có vay tiền của vợ chồng ông C, bà Q nhiều lần tổng cộng là 550.000.000 đồng nhưng bà cũng đã chuyển trả hết số nợ đã vay và còn trả dư ra số tiền 745.000.000 đồng theo các chứng từ chuyển khoản. Ngoài ra ông C còn vay riêng của bà H một lần 66.000.000 đồng (bút lục 120) và một lần 56.000.000 đồng (bút lục 119). Như vậy ông C còn nợ lại bà 867.000.000 đồng. Việc bà trả nợ cho vợ chồng ông C thông qua chuyển khoản từ số tài khoản của bà là 10400415462 mở tại Ngân hàng V đến tài khoản của ông C; Bà H yêu cầu vợ chồng ông C, bà Q chứng minh là đã đưa tiền mặt hay chuyển khoản cho bà đối với các khoản nợ ông C khởi kiện nêu trên.

Ngoài ra, bà Q vợ ông C còn vay tiền của bà và nhờ bà chuyển cho ông Trần Minh P cụ thể: Lúc 10:25:44 ngày 25/12/2020 chuyển số tiền 18.000.000 đồng và lúc 12:21:30 ngày 25/12/2020 chuyển số tiền 7.500.000 đồng; số tiền trên vợ chồng ông C, bà Q chưa trả cho bà H.

Hiện tại bà H và ông T đã ly hôn, những khoản tiền bà H đã vay và chuyển khoản cho vợ chồng ông C là việc của cá nhân bà H, không liên quan gì đến ông T.

Đối với 03 giấy mượn tiền do ông C cung cấp (bút lục 49, 50, 51), về phần họ tên, số chứng minh, địa chỉ của bà H thì bà H tự viết, của ông C thì ông C tự viết, còn nội dung vay số tiền bao nhiêu thì bà H trực tiếp viết và ký tên dưới mục người mượn tiền, nhưng thực tế bà H chưa nhận được khoản tiền nào nên không chấp nhận khoản nợ 1.000.000.000 đồng theo 03 giấy mượn tiền nêu trên.

Đối với 06 giấy vay tiền trả góp lần thứ 4 đến lần thứ 9 (bút lục 52 đến 57), phần nội dung là do bà Q, vợ ông C viết, bà H có viết nội dung đã nhận đủ và ký tên nhưng thực tế cũng không nhận được khoản tiền nào nên không có nghĩa vụ trả nợ.

Bị đơn ông Lưu Kim T trình bày:

Ông T và bà H trước đây là vợ chồng nhưng đã ly hôn vào đầu năm 2021. Việc bà H vay tiền của ông C để làm gì thì ông T không biết, không sử dụng số tiền này. Ông C khởi kiện yêu cầu ông T trả nợ thì ông không đồng ý, bà H vay thì bà H có trách nhiệm trả nợ.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 168/2023/DS-ST ngày 07 tháng 9 năm 2023 của Toà án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk đã quyết định:

- Căn cứ các điều 357, 463, 466, 468, 470 Bộ luật dân sự 2015

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trần Thái C.

Buộc bà Ngô Thị Trúc H có nghĩa vụ trả cho vợ chồng ông Trần Thái C, bà Đoàn Tú Q số tiền nợ gốc 1.432.000.000 đồng.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 19/9/2023, bị đơn bà Ngô Thị Trúc H kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, đề nghị cấp phúc thẩm bác yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Tại phiên tòa, nguyên đơn vẫn giữ nguyên đơn khởi kiện, bị đơn giữ nguyên nội dung kháng cáo, các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà H tranh luận cho rằng: bản án sơ thẩm xác định không đúng khoản vay, không xem xét việc bà H đã thanh toán số tiền 1.274.600.000 đồng, trong suốt quá trình tham gia tố tụng bà H không thừa nhận khoản vay 550.000.000 đồng nhưng vẫn quy kết là bà H có vay và trả các khoản này. Ông T cho vay có lấy lãi nên việc bà H vay hai khoản khác tổng cộng 1.270.000.000 đồng nhưng chỉ chuyển khoản trả 1.274.600.000 đồng là không hợp lý vì còn tiền lãi nữa. Tại phiên tòa bà H không được triệu tập đến phiên tòa nên hạn chế việc trình bày để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình. Đơn sửa đổi bổ sung đơn khởi kiện của nguyên đơn không ghi ngày tháng năm nhưng cấp sơ thẩm lại căn cứ vào đơn này để chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Bà H có cung cấp giấy tờ chuyển khoản và tin nhắn trao đổi giữa bà H và bà Q (vợ ông C) về việc bà Q có nhờ bà H chuyển khoản 02 lần tổng số tiền 25.500.000 đồng cho ông Trần Minh P nhưng Tòa án không triệu tập ông P là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan. Xét thấy Tòa án cấp sơ thẩm vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng nên đề nghị Hội đồng xét xử huỷ Bản án sơ thẩm để giải quyết lại theo quy định.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: Trong quá trình thụ lý giải quyết vụ án Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký, các đương sự đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự - Không chấp nhận kháng cáo của đơn bà Ngô Thị Trúc H. Giữ nguyên bản án sơ thẩm số 168/2023/DS-ST ngày 07 tháng 9 năm 2023 của Toà án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ các tài liệu, chứng cứ đã được thu thập có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, kết quả tranh luận tại phiên tòa, lời trình bày của các đương sự, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Đơn kháng cáo của bị đơn bà Ngô Thị Trúc H trong hạn luật định và đã nộp tạm ứng án phí phúc thẩm nên vụ án được xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2] Xét nội dung kháng cáo của bị đơn:

[2.1] Về số tiền vay: Theo ông C xác định, bà H có vay tiền của ông nhiều lần cụ thể như sau:

Lần 1: Ngày 05/01/2020, vay 500.000.000 đồng.

Lần 2: Ngày 01/6/2020, vay 200.000.000 đồng.

Lần 3: Ngày 18/9/2020, vay 300.000.000 đồng.

Lần 4: Ngày 11/01/2021, vay 2 lần, lần đầu vay 120.000.000 đồng, lần sau vay 60.000.000 đồng, tổng cộng là 180.000.000 đồng.

Lần 5: Ngày 16/01/2021, vay 2 lần, lần đầu vay 120.000.000 đồng, lần sau vay 60.000.000 đồng, tổng cộng là 180.000.000 đồng.

Lần 6: Ngày 22/01/2021, vay 2 lần, lần đầu vay 120.000.000 đồng, lần sau vay 120.000.000 đồng, tổng cộng là 240.000.000 đồng.

Tổng số tiền gốc bà H vay là 1.600.000.000 đồng.

Đối chiếu với chứng cứ ông C cung cấp thì các lần vay thứ 1, 2, 3 bà H viết “Giấy mượn tiền” và ký xác nhận. Những lần sau đó, ông C cho bà H vay theo hình thức trả theo ngày (mỗi ngày trả 2.000.000 đồng, trả được ngày nào thì gạch chéo ngày đó) và đều viết giấy có nội dung ghi ngày, tháng vay, các ngày trong tháng đó, bên dưới mỗi giấy này, bà H đều ghi đã nhận đủ tiền vay và ký xác nhận. Bà H thừa nhận chữ ký trong các chứng cứ này nhưng cho rằng không được nhận tiền mặt hay chuyển khoản từ ông C là không có căn cứ xem xét. Bởi lẽ, bản thân bà H là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm dân sự, hoàn toàn có khả năng nhận thức được hậu quả của việc viết giấy vay mượn tiền, hơn nữa bà H không chỉ viết 01 lần mà là rất nhiều lần, trong khoảng thời gian dài. Như vậy, việc bà H vay của ông C tổng số tiền gốc 1.600.000.000 đồng là có thật.

[2.2] Về số tiền đã trả:

Từ ngày 07/10/2020 đến ngày 21/01/2021, bà H đã chuyển vào tài khoản số 050083106252 của ông C mở tại Ngân hàng TMCP S1 chi nhánh Đ tổng số tiền 1.274.600.000 đồng, các giao dịch không ghi nội dung chuyển tiền.

Theo ông C thì số tiền này bà H trả cho ông C theo 02 khoản vay khác là:

- Khoản vay 550.000.000 đồng mà bà H mượn của ông C từ ngày 06/10/2020 đến ngày 20/11/2020, với hình thức trả theo ngày. Từ ngày 07/10/2020 đến ngày

20/11/2020 bà H đã trả đủ số tiền mượn trên, ông C đưa toàn bộ giấy vay tiền gốc cho bà H và bà H đã xé bỏ giấy gốc. Tuy ông C không cung cấp được giấy gốc nhưng nội dung này được bà H thừa nhận tại biên bản đối chất ngày 31/8/2023 (bút lục 257), bà H khai những lần chuyển khoản là để trả cho khoản nợ 550.000.000 đồng (vay 03 lần, một lần vay 100.000.000 đồng, một lần vay 150.000.000 đồng và một lần vay 300.000.000 đồng) nhưng do không có giấy tờ, sổ sách theo dõi nên bà H đã chuyển khoản dư cho ông C.

- Khoản vay 720.000.000 đồng theo các giấy vay nợ ngày 21/11/2020, 23/11/2020, 05/12/2020, 08/12/2020, 10/12/2020 và 15/12/2020 cũng với hình thức trả theo ngày (ông C còn giữ các bản gốc, đã gạch chéo số ngày trả, bút lục 58 đến 63), với số tiền 120.000.000 đồng mỗi giấy nợ. Tất cả các giấy nợ này đều có chữ ký xác nhận của bà H, từ ngày 25/11/2020 đến ngày 21/01/2021, bà H đã trả nợ đủ số tiền trên nên ông C đã gạch giấy nợ nên không đưa lại cho bà H nữa.

Xét hai khoản vay trên tổng cộng là 1.270.000.000 đồng, trong khi số tiền bà H chuyển khoản cho ông C là 1.274.600.000 đồng gần tương đương nhau. Lời trình bày của ông C là phù hợp với các tài liệu chứng cứ trong hồ sơ vụ án, phía bà H không chứng minh được số tiền chuyển vào tài khoản của ông C là trả cho khoản nợ nào, có phải để trả cho khoản nợ ông C đang khởi kiện hay không, không được ông C thừa nhận nên có căn cứ xác định toàn bộ số tiền bà H chuyển khoản không liên quan đến khoản nợ gốc 1.600.000.000 đồng.

Ngoài ra, ông C xác định trong tổng số tiền vay 1.600.000.000 đồng thì các khoản nợ bà H vay ngày 05/01/2020 500.000.000 đồng, ngày 01/6/2020 vay 200.000.000 đồng và ngày 18/9/2020 vay 300.000.000 đồng thì bà H chưa trả được khoản nào. Tại các giấy vay ngày 11/01/2021, 16/01/2021, 22/01/2021 (bút lục 52 đến 57) ông C cho vay theo hình thức trả góp mỗi ngày 2.000.000 đồng có thể hiện các ngày trong tháng, nếu trả ngày nào thì gạch chéo ngày đó, trên cơ sở đó để xác định bà H đã trả được bao nhiêu tiền thì thấy:

Đối với khoản nợ ngày 11/01/2021, bà H vay tổng cộng 180.000.000 đồng, từ ngày 12/01/2021 đến ngày 26/01/2021, bà H đã trả cho ông C được 90.000.000 đồng (tương đương với 45 ngày đã được gạch), còn nợ lại 90.000.000 đồng.

Đối với khoản nợ ngày 16/01/2021, bà H vay tổng cộng 180.000.000 đồng, từ ngày 17/01/2021 đến ngày 15/02/2021, bà H đã trả cho ông C được 54.000.000 đồng (tương đương với 27 ngày đã được gạch), còn nợ lại 126.000.000 đồng

Khoản vay ngày 22/01/2021, bà H vay tổng cộng 240.000.000 đồng, từ ngày 23/01/2021 đến ngày 25/02/2021, bà H đã trả cho ông C được 24.000.000 đồng (tương đương với 12 ngày đã được gạch), còn nợ lại 216.000.000 đồng.

Như vậy từ ngày 12/01/2021 đến ngày 25/02/2021, bà H đã trả cho ông C tổng cộng 168.000.000 đồng, còn nợ lại 1.432.000.000 đồng.

[2.3] Về yêu cầu phản tố của bà H:

Quá trình giải quyết vụ án, bà H cho rằng đã chuyển trả cho ông C dư 745.000.000 đồng (bao gồm cả số tiền 25.500.000 đồng bà Đoàn Tú Q là vợ ông C

nờ bà H chuyển khoản cho ông Trần Minh P), ngoài ra ông C còn vay riêng của bà là 56.000.000 đồng (bút lục 119) và 66.000.000 đồng (bút lục 120), tổng số tiền ông C đang nợ bà H là 867.000.000 đồng. Ngày 05/6/2023, bà H làm đơn phản tố yêu cầu ông C trả số tiền 650.000.000 đồng đã chuyển khoản dư. Tòa án cấp sơ thẩm đã thông báo cho bà H nộp tạm ứng án phí theo quy định nhưng bà H không thực hiện nên không được xem xét giải quyết trong cùng vụ án là phù hợp quy định của pháp luật.

[2.4] Đối với yêu cầu của bà H đề nghị tạm dừng việc xét xử phúc thẩm để chờ kết quả giải quyết tố cáo của Công an tỉnh Đ đối với ông Trần Thái C về hành vi cho vay lãi nặng trong các giao dịch trên. Tuy nhiên, theo các chứng cứ trong hồ sơ vụ án và nhận định ở trên, thì bà H vay tổng số tiền gốc là 1.600.000.000 đồng, trong giấy tờ vay mượn không có nội dung thỏa thuận về lãi suất, ông C cũng không yêu cầu bà H trả tiền lãi, bà H không cung cấp được chứng cứ chứng minh việc phải trả tiền lãi vượt quá mức quy định của pháp luật. Do đó trong phạm vi giải quyết tranh chấp về hợp đồng vay tài sản, Hội đồng xét xử không có cơ sở chấp nhận yêu cầu này của bà H.

[3] Từ những nhận định và phân tích trên có đủ cơ sở khẳng định, Tòa án cấp sơ thẩm buộc bà H phải trả cho vợ chồng ông C, bà Q số tiền gốc 1.432.000.000 đồng là có căn cứ. Do đó Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị đơn, cần giữ nguyên Bản án sơ thẩm.

[4] Về án phí: Do kháng cáo không được chấp nhận nên bà H phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định pháp luật.

[5] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự:

- Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn bà Ngô Thị Trúc H.
- Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 168/2023/DS-ST ngày 07 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.

Căn cứ Điều 357, Điều 463, Điều 466, Điều 468, Điều 470; Khoản 2 Điều 26, khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trần Thái C.

Buộc bà Ngô Thị Trúc H có nghĩa vụ trả cho vợ chồng ông Trần Thái C, bà Đoàn Tú Q số tiền nợ gốc 1.432.000.000 đồng (*Một tỷ bốn trăm ba mươi hai triệu đồng*).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án xong cho đến khi thi hành án xong, bà Ngô Thị Trúc H còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự.

2. Về án phí:

- Án phí dân sự sơ thẩm: Bà Ngô Thị Trúc H phải chịu 54.960.000 đồng (Năm mươi bốn triệu chín trăm sáu mươi nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả cho ông Trần Thái C số tiền 36.000.000 đồng (Ba mươi sáu triệu đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí số AA/2022/0001424 ngày 08/3/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

- Án phí dân sự phúc thẩm: Bà Ngô Thị Trúc H phải chịu án phí dân sự phúc thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số AA/2022/0004522 ngày 22/9/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tối cao;
- TAND cấp cao tại Đà Nẵng;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- TAND Tp Buôn Ma Thuột;
- CCTHADS Tp B;
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Y Thông Kbuôr